



**Phụ lục I**  
**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
1	Thành phố Vị Thanh	II	II	
2	Thành phố Ngã Bảy	III	III	
3	Thị xã Long Mỹ	III	III	
4	Thị trấn Nàng Mau	V	V	
5	Thị trấn Vĩnh Viễn	V	V	
6	Đô thị Xà Phiên	V	V	
7	Đô thị Lương Nghĩa	V	V	
8	Thị trấn Cây Dương	V	IV	
9	Thị trấn Kinh Cùng	V	V	
10	Thị trấn Búng Tàu	V	V	
11	Đô thị mới Cái Sơn	V	V	
12	Đô thị mới Tân Long	V	V	
13	Khu vực dự kiến thành lập thị xã Châu Thành		IV	Định hướng đến 2030, Huyện Châu Thành sẽ trở thành thị xã
13.1	Thị trấn Ngã Sáu (*)	V		
13.2	Thị trấn Mái Dầm (*)	V		
13.3	Đô thị Đông Phú (*)	V		
14	Khu vực dự kiến thành lập thị xã Châu Thành A		IV	Định hướng đến 2030, Huyện Châu Thành A sẽ trở thành thị xã
14.1	Thị trấn Một Ngàn (*)	V		
14.2	Thị trấn Bảy Ngàn (*)	V		
14.3	Thị trấn Cái Tắc (*)	V		
14.4	Thị trấn Rạch Gòi (*)	V		

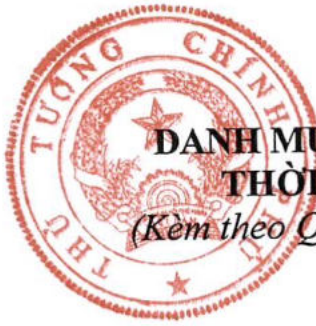
**Ghi chú:**

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

(\*) Đô thị dự kiến điều chỉnh phạm vi phân loại đô thị và sắp xếp, thành lập đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2030 theo quy định.





Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

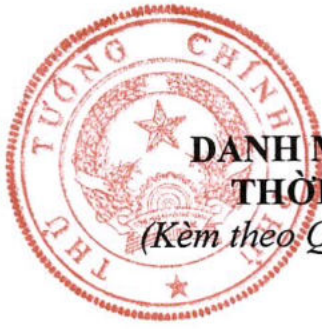
(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
<b>A</b>	<b>Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022</b>		<b>2.233</b>
<b>I</b>	<b>Các khu công nghiệp đã thành lập</b>		<b>492</b>
1	Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	Huyện Châu Thành	291
2	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1	Huyện Châu Thành A	201
<b>II</b>	<b>Các khu công nghiệp thành lập mới</b>		<b>1.741</b>
1	Khu công nghiệp Đông Phú	Huyện Châu Thành	120
2	Khu công nghiệp Đông Phú 2	Huyện Châu Thành	234
3	Khu công nghiệp Sông Hậu 2	Huyện Châu Thành	430
4	Khu công nghiệp Tân Hòa	Huyện Châu Thành A	205
5	Khu công nghiệp Tân Bình	Huyện Phụng Hiệp	210
6	Khu công nghiệp Nhơn Nghĩa A	Huyện Châu Thành A	252
7	Khu công nghiệp Long Thạnh	Huyện Phụng Hiệp	290
<b>B</b>	<b>Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất</b>		<b>7.200</b>
1	Khu công nghiệp Phú Tân	Huyện Châu Thành	890
2	Khu công nghiệp Phú Hữu	Huyện Châu Thành	1.100
3	Khu công nghiệp Tân Phước Hưng	Huyện Phụng Hiệp	1.160
4	Khu công nghiệp Tân Bình II	Huyện Phụng Hiệp	800
5	Khu công nghiệp Tân Bình III	Huyện Phụng Hiệp	1.000
6	Khu công nghiệp Vĩnh Viễn	Huyện Long Mỹ	1.000
7	Khu công nghiệp Bình Thành	Huyện Phụng Hiệp	1.250
		<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>9.433</b>

**Ghi chú:**

- Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm đúng chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Các khu công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định



**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích (ha)
<b>I</b>	<b>Các cụm công nghiệp đã hoạt động</b>		<b>286,55</b>
1	Cụm công nghiệp Phú Hữu A - giai đoạn 1	Huyện Châu Thành	110,00
2	Cụm công nghiệp Kho tàng và bến bãi Tân Tiến	Thành phố Vị Thanh	41,19
3	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Ngã Bảy	24,66
4	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Vị Thanh	62,50
5	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp	Thị xã Long Mỹ	48,20
<b>II</b>	<b>Các cụm công nghiệp đang triển khai thủ tục đầu tư và xây dựng</b>		<b>261,50</b>
1	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh (Phần mở rộng)	Thành phố Vị Thanh	11,50
2	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ (phần mở rộng)	Thị xã Long Mỹ	20,00
3	Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng	Huyện Phụng Hiệp	50,00
4	Cụm công nghiệp Tân Thành	Thành phố Ngã Bảy	50,00
5	Cụm công nghiệp Phú Tân	Huyện Châu Thành	50,00
6	Cụm công nghiệp Vĩnh Viễn	Huyện Long Mỹ	30,00
7	Cụm công nghiệp Vị Bình	Huyện Vị Thủy	50,00



<b>TT</b>	<b>Tên cụm công nghiệp (CCN)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
<b>III</b>	<b>Các cụm công nghiệp thành lập mới</b>		<b>359,58</b>
1	Cụm công nghiệp Vị Bình (Phần mở rộng)	Huyện Vị Thủy	21,00
2	Cụm công nghiệp Vị Bình 2	Huyện Vị Thủy	75,00
3	Cụm công nghiệp Lương Tâm	Huyện Long Mỹ	75,00
4	Cụm công nghiệp Lương Tâm 2	Huyện Long Mỹ	75,00
5	Cụm công nghiệp Hỏa Lựu 1	Thành phố Vị Thanh	57,98
6	Cụm công nghiệp Hỏa Lựu 2	Thành phố Vị Thanh	55,60
		<b>Tổng diện tích (I+II+III)</b>	<b>907,63</b>

**Ghi chú:** Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và triển khai dự án đầu tư.





**Phụ lục IV**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Định hướng phát triển</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quy mô</b>
<b>I</b>	<b>Phân vùng chuyển đổi sản xuất nông nghiệp (theo 3 vùng thủy lợi)</b>		
1	Vùng triều cao (Vùng I): Phát triển cây ăn trái, thủy sản, lúa, rau màu, hoa kiểng...	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy và một phần huyện Phụng Hiệp	63.500 ha
2	Vùng giáp nước (Vùng II): Phát triển lúa, cây ăn trái, lúa - thủy sản, rau màu, chăn nuôi, thủy sản và phát triển du lịch sinh thái.	Huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy và một phần thị xã Long Mỹ	51.700 ha
3	Vùng phèn, nhiễm mặn (Vùng III): Phát triển lúa, cây ăn trái, lúa - thủy sản, rau màu, chăn nuôi, thủy sản và phát triển du lịch sinh thái.	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh và một phần huyện Vị Thủy	47.000 ha
<b>II</b>	<b>Phát triển vùng sản xuất tập trung</b>		
1	Vùng lúa chất lượng cao	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	35.000 ha
2	Vùng cây ăn trái tập trung	Tất cả các vùng	Quy mô phát triển phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng
3	Vùng sản xuất rau củ quả chuyên canh	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ, huyện Vị Thủy và thị xã Long Mỹ	8.000 ha
4	Vùng chăn nuôi tập trung	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ, huyện Vị Thủy	

TT	Định hướng phát triển	Địa điểm	Quy mô
5	Vùng nuôi thủy sản tập trung	Các huyện, thị xã, thành phố	8.000 ha
6	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Long Mỹ	415
7	Phát triển 4 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Thành phố Vị Thanh, thị xã Long Mỹ, huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A	

**Ghi chú:** Ngoài các vùng chăn nuôi tập trung nêu trên, việc phát triển chăn nuôi vẫn được bố trí tại các địa phương khác khi bảo đảm các điều kiện theo quy định.





Phụ lục V

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO  
TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Hạng mục	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
1	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên	0,80	0,26	0,54	Thị xã Long Mỹ	2022 - 2030
2	Trường dạy nghề	1,80		1,80	Huyện Châu Thành	2022 - 2030
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1,73		1,73	Huyện Phụng Hiệp	
4	Trung tâm dạy nghề cơ khí kỹ thuật cao	2,00		2,00	Huyện Phụng Hiệp	
5	Trung tâm sát hạch lái xe	5,31	5,00	0,31	Huyện Vị Thủy	
6	Trường Trung học phổ thông Cây Dương (phân hiệu Búng Tàu)	1,00		1,00	Huyện Phụng Hiệp	
7	Trường THPT Tây Đô	0,96	0,96		Huyện Long Mỹ	
8	Cơ sở giáo dục và đào tạo	38,44		38,44	Thành phố Ngã Bảy	
9	Cơ sở giáo dục và đào tạo	31,39		31,39	Huyện Châu Thành A	
10	Cơ sở giáo dục và đào tạo	66,16	24,78	41,38	Huyện Phụng Hiệp	
11	Cơ sở giáo dục và đào tạo	34,81	0,30	34,51	Huyện Vị Thủy	
12	Cơ sở giáo dục và đào tạo	43,90	1,60	42,30	Huyện Long Mỹ	
13	Cơ sở giáo dục và đào tạo	32,08	1,52	30,56	Huyện Châu Thành	2022 - 2030
14	Cơ sở giáo dục và đào tạo	41,78	1,38	40,40	Thị xã Long Mỹ	
15	Cơ sở giáo dục và đào tạo	49,08	0,61	48,47	Thành phố Vị Thanh	2021 - 2030
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>351,24</b>	<b>36,41</b>	<b>314,83</b>		

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



**Phụ lục VI**  
**DANH MỤC CÁC CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO**  
**TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

**A. CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO CÔNG LẬP**

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
<b>I</b>	<b>Công trình nâng cấp, cải tạo</b>	
	Nhà thi đấu Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
<b>II</b>	<b>Công trình xây dựng mới</b>	
1	Ký túc xá cho vận động viên	Thành phố Vị Thanh
2	Nhà tập luyện thể thao	Thành phố Vị Thanh
3	Trung tâm huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Vị Thanh
4	Hồ bơi tỉnh	Thành phố Vị Thanh

**B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU THỂ DỤC, THỂ THAO**

STT	Hạng mục	Mã Đất	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
1	Trung tâm thể dục thể thao	DTT	10,00		10,00	Thành phố Ngã Bảy	2022 - 2030
2	Trung tâm văn hóa - thể thao (Trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân)	DTT	1,10		1,10	Huyện Phụng Hiệp	2026 - 2030
3	Nhà thi đấu đa năng	DTT	4,15	4,15	0,00	Huyện Vị Thủy	2023 - 2025
4	Trung tâm thể dục - thể thao	DTT	3,23		3,23	Huyện Long Mỹ	2026 - 2030
5	Ký túc xá cho Vận động viên	DTT	0,40		0,40	Thành phố Vị Thanh	2023 - 2025
6	Nhà tập luyện thể thao	DTT	0,20		0,20	Thành phố Vị Thanh	2023 - 2025
7	Cung thể thao dưới nước	DTT	1,84		1,84	Thành phố Vị Thanh	2023 - 2025
8	Sân vận động	DTT	0,70		0,70	Huyện Châu Thành A	2021 - 2025



STT	Hạng mục	Mã Đất	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)	Địa điểm	Năm thực hiện
9	Cơ sở thể dục, thể thao (tổng hợp)	DTT	21,45		21,45	Các huyện, thành phố, thị xã	2021 - 2030
10	Sân gôn		164	0	164	Huyện Châu Thành	2026 - 2030
11	Sân gôn		220	0	220	Huyện Phụng Hiệp	2026 - 2030
12	Sân gôn		110	0	110	Huyện Long Mỹ	2026 - 2030
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>537,07</b>	<b>4,15</b>	<b>532,92</b>		

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chi tiêu phân bổ đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.



**Phụ lục VII**  
**DANH MỤC TUYỂN ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch (Cấp; Số làn đến năm 2030/sau năm 2030)
<b>A</b>	<b>MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC</b>			
	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.			
<b>B</b>	<b>MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH</b>			
<b>I</b>	<b>Các tuyến hiện hữu</b>			
1	Đường tỉnh 925	Giao với quốc lộ 1 huyện Châu Thành	Giao với quốc lộ Nam Sông Hậu, huyện Châu Thành	Cấp III/ 2 - 4 làn xe
2	Đường tỉnh 925B	Giao với quốc lộ 61C, huyện Vị Thủy	Giao với quốc lộ 1 huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
3	Đường tỉnh 926	Ủy ban nhân dân xã Trường Long A, huyện Châu Thành A	Giao với ĐH.23 phía Bắc kênh Xà No, huyện Vị Thủy	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
4	Đường tỉnh 926B	Giao ĐT.931B, huyện Châu Thành A	Ranh giới với tỉnh Sóc Trăng, thị xã Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
5	Đường tỉnh 927	Ngã ba Vĩnh Tường thị xã Long Mỹ	Giao với quốc lộ 1, thị xã Ngã Bảy	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
6	Đường tỉnh 927B	Giao với ĐT.931B, huyện Vị Thủy	Giao với ĐT.928B, thị xã Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
7	Đường tỉnh 927C	Giao quốc lộ 1, thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành	Cấp III/ 2 - 4 làn xe



<b>STT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Quy mô quy hoạch (Cấp; Số làn đến năm 2030/sau năm 2030)</b>
8	Đường tỉnh 928	Giao với quốc lộ 61, huyện Phụng Hiệp	Giao với ĐT.928B, huyện Phụng Hiệp	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
9	Đường tỉnh 928B	Giao với đường vành đai thành phố Ngã Bảy	Giao với QL.61B, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
10	Đường tỉnh 929	Giao với quốc lộ 61, huyện Phụng Hiệp	Giáp ranh thành phố Cần Thơ, huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
11	Đường tỉnh 930	Giao với ĐT.926B, huyện Phụng Hiệp	Ranh giới tỉnh Kiên Giang, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
12	Đường tỉnh 930B	Giao với quốc lộ 61B, thị xã Long Mỹ	Ranh tỉnh Kiên Giang, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
13	Đường tỉnh 931	Giao với quốc lộ 61C, thành phố Vị Thanh	Ranh tỉnh Bạc Liêu, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
14	Đường tỉnh 931B	Cầu Ba Liên, thành phố Vị Thanh	Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
15	Đường tỉnh 925C	Giao với ĐT.925, huyện Châu Thành	Giao với ĐT.927C, huyện Châu Thành	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
<b>II</b>	<b>Các tuyến mở mới</b>			
1	Đường tỉnh 925D	Giao với ĐT. 925B, huyện Vị Thủy	Giao với quốc lộ 61C; thành phố Vị Thanh	Cấp IV/ 2 làn xe
2	Đường tỉnh 926C (nâng cấp từ ĐH 22)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Vị Thanh	Giao với ĐT.929, huyện Châu Thành A	Cấp IV/ 2 làn xe
3	Đường tỉnh 927D	Giao với quốc lộ 1, thành phố Ngã Bảy	Giao với ĐT.927, huyện Phụng Hiệp	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch (Cấp; Số làn đến năm 2030/sau năm 2030)
4	Đường tỉnh 928C (nâng cấp từ ĐH 11)	Giao với ĐT.927, thành phố Ngã Bảy	Giao với ĐT. 931, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 làn xe
5	Đường tỉnh 928D (nâng cấp từ ĐH 30)	Giao với ĐT.931B, huyện Châu Thành A	Giao với ĐT.928B, huyện Phụng Hiệp	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe
6	Đường tỉnh 931C	Giao với quốc lộ 61C, thành phố Vị Thành	Giao đường huyện 6, huyện Long Mỹ	Cấp IV/ 2 - 4 làn xe

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.





**Phụ lục VIII**  
**DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN**  
**TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**B. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

**\*Tuyến đường thủy nội địa**

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
	<b>Các tuyến hiện có</b>		
1	Kênh Nàng Mau	IV	IV
2	Rạch Mái Dầm	IV	IV
3	Kênh Lái Hiếu	IV	IV
4	Sông Cái Lớn	IV	IV
5	Rạch Nước Trong	IV	IV
6	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	IV	IV
7	Kênh KH9	V	V
8	Kênh Xáng Mới	V	V
9	Kênh Tám Ngàn	V	V
10	Sông Ba Láng	V	IV
11	Kênh Sóc Trăng	V	V

**\*\*Cảng, bến thủy nội địa hàng hóa**

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (1.000 T/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
<b>I</b>	<b>Các cảng, bến hiện có</b>					
	Các cảng, bến hiện có 151 bến thuộc các tuyến sông kênh do tỉnh quản lý bao gồm: kênh Nàng Mau (32 bến); sông Cái Lớn (42 bến); sông Ba Láng (20 bến); kênh Lái Hiếu (24 bến); kênh Xáng Mới (7 bến); rạch Mái Dầm (12 bến); kênh Sóc Trăng (9 bến); sông Nước Trong (1 bến); kênh KH 9 (2 bến); kênh Tám Ngàn (2 bến)					12,5
<b>II</b>	<b>Các cảng, bến xây dựng mới</b>					
1	Cụm cảng, bến kênh Nàng Mau	Các huyện: Châu Thành, Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thủy	Kênh Nàng Mau	500 - 1000	15	2,5
2	Cụm cảng, bến rạch Mái Dầm	Huyện Châu Thành	Rạch Mái Dầm	500 - 1000	10	1,5
3	Cụm cảng, bến kênh Lái Hiếu	Thành phố Ngã Bảy, huyện Phụng Hiệp	Kênh Lái Hiếu	500 - 1000	7,5	1,5
4	Cụm cảng, bến sông Cái Lớn	Thị xã Long Mỹ, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh	Sông Cái Lớn	500 - 1000	8,5	2,0
5	Cụm cảng, bến sông Nước Trong	Huyện Long Mỹ	Sông Nước Trong	500 - 1000	5,5	1,0
6	Cụm cảng, bến kênh Bờ Tràm (kênh Một)	Huyện Châu Thành A	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	500 - 1000	6,5	1,5
7	Cụm cảng, bến kênh KH9	Thành phố Vị Thanh, huyện Châu Thành A	Kênh KH9	500	3,5	1,2



TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (1.000 T/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
8	Cụm cảng, bến kênh Xáng Mới	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp	Kênh Xáng Mới	500	4,5	1,5
9	Cụm cảng, bến kênh Tám Ngàn	Huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy	Kênh Tám Ngàn	500	2,5	2,0
10	Cụm cảng, bến sông Ba Láng	Huyện Châu Thành A	Sông Ba Láng	500 - 1000	3,0	2,5
11	Cụm cảng, bến kênh Sóc Trăng	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Sóc Trăng	500	2,5	2,0

**\*\*\*Cảng, bến thủy nội địa hành khách**

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
<b>Các cảng, bến xây dựng mới</b>						
1	Bến tàu Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh	Kênh Xà No	200	100	1,0
2	Bến tàu Lái Hiếu	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Lái Hiếu	200	80	1,5
3	Bến tàu Ngã Bảy 1	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Kênh Cái Côn	70	80	1,2
4	Bến tàu Ngã Bảy 2	Thành phố Ngã Bảy	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	70	80	1,2
5	Bến tàu thị trấn Ngã Sáu	Huyện Châu Thành	Rạch Mái Dầm	70	60	0,5
6	Bến tàu Sông Hậu	Huyện Châu	Sông Hậu (vàm Mái)	70	60	0,5

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
		Thành	dâm)			
7	Bến tàu khu công nghiệp Châu Thành A	Huyện Châu Thành A	Sông Ba Láng	50	65	0,5
8	Bến tàu kênh Bờ Tràm	Huyện Châu Thành A	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	30	50	0,7
9	Bến tàu thị trấn Cây Dương	Huyện Phụng Hiệp	Kênh Lái Hiếu	70	60	0,7
10	Bến tàu Phương Bình	Huyện Phụng Hiệp	Kênh Lái Hiếu	70	45	0,5
11	Bến tàu thị trấn Nàng Mau	Huyện Vị Thủy	Kênh Nàng Mau	70	65	0,7
12	Bến tàu Vịnh Chèo	Huyện Vị Thủy	Sông Cái Lớn	50	55	0,5
13	Bến tàu thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Sông Cái Lớn	50	60	1,0
14	Bến tàu Vĩnh Viễn A 1	Huyện Long Mỹ	Sông Cái Lớn	50	55	0,5
15	Bến tàu Vĩnh Viễn A2	Huyện Long Mỹ	Sông Nước Trong	30	40	0,5

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các dự án nêu trên phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng, bến xây dựng mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các cảng, bến hàng hóa, hành khách phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.





**Phụ lục IX**  
**DANH MỤC TRUNG TÂM LOGISTICS TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Trung tâm logistics thành phố Ngã Bảy tại cụm công nghiệp Tân Thành, Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy	15 - 30
2	Trung tâm logistics thành phố Vị Thanh tại cụm công nghiệp Kho tàng bến bãi Tân Tiến	Thành phố Vị Thanh	10 - 15
3	Tổng kho phân phối Mê Công	Huyện Châu Thành	10 - 15
4	Trung tâm Colde Store Logistics Hậu Giang	Huyện Châu Thành A	10 - 15
5	Trung tâm logistics huyện Châu Thành A tại Khu công nghiệp Nhơn Nghĩa A	Huyện Châu Thành A	15 - 30
	<b>Định hướng sau năm 2030</b>		
6	Trung tâm logistics	Huyện Phụng Hiệp	15 - 30
7	Trung tâm logistics	Huyện Long Mỹ	15 - 30
8	Trung tâm logistics	Thị xã Long Mỹ	15 - 30
9	Trung tâm logistics	Huyện Vị Thủy	15 - 30

**Ghi chú:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang chịu trách nhiệm về việc tính toán xác định số lượng và quy mô các trung tâm logistics bảo đảm hiệu quả quỹ đất.

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các Trung tâm logistics sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư. Tùy theo tình hình thực tế sẽ điều chỉnh thời gian thực hiện đối với các Trung tâm logistics định hướng sau năm 2030.



**Phụ lục X**  
**DANH MỤC NGUỒN ĐIỆN VÀ LƯỚI ĐIỆN TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. NGUỒN ĐIỆN**

TT	DANH MỤC	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
<b>I</b>	<b>Khu vực các nguồn điện tiềm năng</b>					
<b>1</b>	<b>Điện gió</b>					
	Khu vực điện gió	Huyện Long Mỹ		350	Xây dựng mới	
	Khu vực điện gió	Thành phố Vị Thanh		100	Xây dựng mới	
<b>2</b>	<b>Điện mặt trời</b>					
	Khu vực điện mặt trời	Huyện Phụng Hiệp		165	Xây dựng mới	
	Khu vực điện mặt trời	Huyện Long Mỹ		457	Xây dựng mới	
	Khu vực điện mặt trời	Thành phố Vị Thanh		82	Xây dựng mới	
	Khu vực điện mặt trời	Huyện Vị Thủy		41	Xây dựng mới	
<b>3</b>	<b>Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác</b>					
-	Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang 1, 2, 3 (*)	Thị xã Long Mỹ		30	Xây dựng mới	
-	Nhà máy điện rác Hậu Giang (**)	Huyện Phụng Hiệp		2x6	Xây dựng mới	
<b>II</b>	<b>Nhà máy nhiệt điện than</b>					



TT	DANH MỤC	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
	Nhà máy điện Sông Hậu II	Huyện Châu Thành		2.120		Bộ Công Thương làm việc với các nhà đầu tư, cho phép kéo dài đến tháng 6/2024 (theo QH Điện VIII).

**Ghi chú:**

- Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh Hậu Giang.

\*: Dự án đã được chấp thuận tại Quyết định số 9486/QĐ-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương.

\*\* : Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia tại văn bản 211/TTg-CN ngày 18 tháng 02 năm 2019.

**B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI**

**I. Trạm biến áp**

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất năm 2030	
<b>I</b>	<b>Trạm biến áp 110 kV</b>			
1	Long Mỹ	2x40	40+63	Nâng cấp, cải tạo
2	Vị Thanh	2x40	40+63	Nâng cấp, cải tạo
3	Châu Thành	2x40	2x63	Nâng cấp, cải tạo
4	Phú Xuân (Châu Thành 2)	2x40	2x63	Nâng cấp, cải tạo
5	Phụng Hiệp	2x25	2x40	Nâng cấp, cải tạo
6	Tân Phú Thạnh		2x40	Xây dựng mới

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất năm 2030	
7	Thép Sunpro		100+40	Xây dựng mới
8	Vị Thanh 2		2x40	Xây dựng mới
9	Long Thạnh		63	Xây dựng mới
10	Đông Phú		2x40	Xây dựng mới
11	Đông Phú 2		2x40	Xây dựng mới
12	Long Mỹ 2		63	Xây dựng mới
13	Phú Hữu		63	Xây dựng mới
14	Tân Hòa		63	Xây dựng mới
15	Tân Bình 1		63	Xây dựng mới
16	Phụng Hiệp 2		1x40	Xây dựng mới
<b>II</b>	<b>Trạm biến áp trung áp (22kV)</b>		<b>2796 / 571,56</b>	<b>Số trạm / MVA</b>
1	Vùng phụ tải 1		667 / 153,557	Xây dựng mới
2	Vùng phụ tải 2		1743 / 335,718	Xây dựng mới
3	Vùng phụ tải 3		386 / 82,282	Xây dựng mới

## II. Đường dây

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô năm 2030	
<b>I</b>	<b>Đường dây 110 kV</b>			
1	Đường dây 110kV Giồng Riềng - Vị Thanh	1x31,2	1x31,2	Nâng cấp, cải tạo
2	Đường dây 110kV Vị Thanh - Long Mỹ	1x17,2	1x17,2	Nâng cấp, cải tạo
3	Đường dây 110kV Long Mỹ - Hồng Dân	1x34,9	1x34,9	Nâng cấp, cải tạo

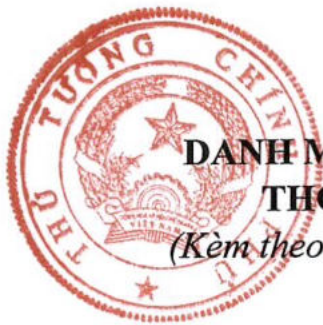


TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô năm 2030	
4	Đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp	1x52	1x52	Nâng cấp, cải tạo
5	Đường dây 110kV Trạm 220kV Châu Thành Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành		2x0,5	Xây dựng mới
6	Đường dây 110kV Trạm 220kV Châu Thành Rẽ Điện mặt trời Hậu Giang 1 - Long Mỹ		2x20	Xây dựng mới
7	Đường dây 110kV Tân Phú Thạnh Rẽ Cần Thơ - Châu Thành		2x1	Xây dựng mới
8	Đường dây 110kV Phú Xuân - KCN Sông Hậu Sóc Trăng - Kế Sách		2x18	Xây dựng mới
9	Đường dây 110kV Vị Thanh 2 Rẽ Vị Thanh - Giồng Riềng		2x6	Xây dựng mới
10	Đường dây 110kV Đông Phú Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân		2x0,7	Xây dựng mới
11	ĐD110kV Thép Sunpro Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Phụng Hiệp		2x17	Xây dựng mới
12	Đường dây 110kV Đông Phú 2 Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân		2x1	Xây dựng mới
13	Đường dây 110kV Kế Sách (ST) Rẽ Phụng Hiệp - Sóc Trăng		2x15	Xây dựng mới
14	Đường dây 110kV Tân Phú (CT) Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân		2x2	Xây dựng mới
15	Đường dây 110kV Long Thạnh Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Phụng Hiệp		2x3,5	Xây dựng mới
16	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hòa An Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Long Mỹ		2x0,5	Xây dựng mới
17	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ nước ngọt Rẽ Điện MT Hậu Giang 1 - Vị Thanh		2x2	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x chiều dài km)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô năm 2030	
18	Đường dây 110kV Phú Hữu Rẽ Long Thạnh - Thép Sunpro		2x1	Xây dựng mới
19	Đường dây 110kV Tân Bình 1 Rẽ trên 1 mạch Trạm 220kV Châu Thành - Điện MT Hậu Giang 1		2x3	Xây dựng mới
20	Đường dây 110kV Tân Hòa Rẽ trên 1 mạch Trạm 220kV Châu Thành		2x4	Xây dựng mới
21	Đường dây 110kV Điện mặt trời Vị Tân 1,2 Rẽ Vị Thanh 2 - Vị Thanh		2x5	Xây dựng mới
22	Đường dây 110kV Long Mỹ 2 Rẽ Vị Thanh - Giồng Riềng		2x14	Xây dựng mới
23	Đường dây 110kV Điện gió Sao Mai 1 Rẽ Long Mỹ - Hồng Dân		2x3	Xây dựng mới
24	Đường dây 110kV Phụng Hiệp trạm 220kv Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp		2x9,5	Xây dựng mới
<b>II</b>	<b>Đường dây trung áp (22kV)</b>		<b>907,4</b>	
1	Vùng phụ tải 1		466,3	Xây dựng mới
2	Vùng phụ tải 2		249	Xây dựng mới
3	Vùng phụ tải 3		192,1	Xây dựng mới

**Ghi chú:** Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và các tuyến đường dây phải căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương





Phụ lục XI

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HẬU GIANG  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
I	<b>Xây dựng mới</b>				
1	Xây dựng đê bao ngăn triều vùng cây ăn trái huyện Châu Thành, Châu Thành A và thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, thành phố Ngã Bảy	30 km	Ngăn triều cho vùng cây ăn trái
2	Xây dựng kè chống sạt lở sông Mái Dầm (đoạn từ ngã ba Trạm y tế đến Ủy ban nhân dân xã Đông Phước và đoạn từ cầu BOT đến Vàm kênh Cái Muồng Cụt, huyện Châu Thành)	Huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	0,91 km	Tham gia chống sạt lở
3	Xây dựng kè chống sạt lở thị trấn Cây Dương	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp	0,95 km	Tham gia chống sạt lở
4	Xây dựng kè chống sạt lở tại các điểm xung yếu trên	Huyện Châu Thành, huyện	Huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A, huyện Phụng	10 km	Tham gia chống sạt lở

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
	địa bàn tỉnh	Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp, thành phố Ngã Bảy	Hiệp và thành phố Ngã Bảy		
5	Kè chống sạt lở kênh Xáng Xà No giai đoạn 3	Huyện Châu Thành A	Huyện Châu Thành A	2 km	
6	Xây dựng hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng triều biển Đông Phụng Hiệp - Long Mỹ	Huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ	Huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ	30 km	Tham gia kiểm soát mặn
<b>II</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>				
1	Nạo vét kênh 1000, 8000, 13000	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp		Tham gia ngăn lũ, triều cường
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ		Tham gia ngăn lũ, triều cường
4	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy		Tham gia ngăn lũ, triều cường



TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
5	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ		Tham gia ngăn lũ, triều cường
6	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường
7	Nạo vét kênh trục KH9, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy và thành phố Vị Thanh	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy và thành phố Vị Thanh		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
8	Nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc Hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No; Hệ thống cống Nam Xà No	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh	Huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
9	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
10	Nạo vét sông Nước Đục, Lái Hiếu, Nàng Mau,	Tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
	kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh				
11	Nạo vét tuyến kênh trực (Kênh Trà Ban, kênh 13, kênh Bàn Quý, kênh Long Mỹ 2)	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	47 km	Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
12	Xây dựng hệ thống đê bao ngăn mặn	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	61,5km	Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
13	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng thủy lợi 8 ô mẫu; xây dựng ô bao Quýt đường; Xây dựng hệ thống trạm bơm, cống kết hợp cầu giao thông trong khu vực	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh		Tham gia ngăn lũ, triều cường, kiểm soát mặn
14	Dự án nạo vét kênh trực tỉnh Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ	Huyện Phụng Hiệp, Vị Thủy, Long Mỹ	Nàng Mau 2 28 km; Kênh Hậu Giang 3 43,6 km	Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
15	Nạo vét kênh 13.000 - Long Điền - Xẻo Trâm - Xẻo Su, kết hợp	Huyện Vị Thủy, huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ	Huyện Vị Thủy, huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở



TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
	với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh				
16	Nạo vét tuyến kênh Ba Liên - Cái Đĩa, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh	Huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ	Huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ		Tham gia khơi thông dòng chảy, chống sạt lở
17	Nạo vét tuyến kênh Long Mỹ 1 kết hợp hệ thống cống, đê bao ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ	Long Mỹ 1 khoảng 27 km	Tham gia ngăn mặn, trữ ngọt
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	54 trạm	
19	Đầu tư xây dựng các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang	213 trạm	
20	Cải tạo cống Hậu Giang 3	Huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ		Ngăn mặn, trữ ngọt và chống

TT	Tên hệ thống	Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Nhiệm vụ khác (nếu có)
	Long Mỹ				triều cường
21	Cải tạo các cửa cống hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No tỉnh Hậu Giang	Huyện Vị Thủy, Châu Thành A, thành phố Vị Thanh	Huyện Vị Thủy, Châu Thành A, thành phố Vị Thanh		Ngăn mặn, trữ ngọt và chống triều cường
22	Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý	Huyện Vị Thủy, Phụng Hiệp, Châu Thành A, Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh	Huyện Vị Thủy, Phụng Hiệp, Châu Thành A, Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh		Ngăn mặn, trữ ngọt và chống triều cường
23	Hệ thống cống ngăn mặn Nam kênh Xà No giai đoạn 2	Huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy		Ngăn mặn

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.





**Phụ lục XII**  
**DANH MỤC NHÀ MÁY NƯỚC, TRẠM CẤP NƯỚC TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ**

TT	Tên công trình	Nguồn nước	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày,đêm)	Địa điểm	Phạm vi cấp nước
<b>I</b>	<b>Xây dựng mới</b>				
1	Nhà máy nước	Kênh Xà No	40.000	Huyện Vị Thủy	Thành phố Vị Thanh, các thị trấn: Bảy Ngàn, Một Ngàn, Rạch Gòi, Kinh Cùng, Nàng Mau
2	Nhà máy nước	Kênh Nàng Mau 2	30.000	Huyện Vị Thủy	
<b>II</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>				
1	Nhà máy nước Sông Hậu (Aqua One) (nâng công suất từ 100.000m <sup>3</sup> /ngđ lên 300.000 m <sup>3</sup> /ngđ)	Sông Hậu	300.000	Huyện Châu Thành	Các thị trấn: Ngã Sáu, Mái Dầm, Cái Tắc
2	Trạm cấp nước Đông Phú (nâng công suất từ 1.300m <sup>3</sup> /ngđ lên 2.700m <sup>3</sup> /ngđ)	Nước ngầm	2.700	Huyện Châu Thành	

**B. CẤP NƯỚC NÔNG THÔN**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Công suất (m<sup>3</sup>/ngày đêm)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Phạm vi cấp nước</b>
<b>I</b>	<b>Xây dựng mới</b>			
	Trạm cấp nước	4.800 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Long Mỹ	Xã Thuận Hòa, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, xã Long Phú, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ
<b>II</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>			
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Đông Thạnh	3.600 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Châu Thành	Xã Đông Thạnh, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành
2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Nhơn Nghĩa A	3.600 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Châu Thành A	Xã Nhơn Nghĩa A, thị trấn Một Ngàn, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Vị Thủy	4.800 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Vị Thủy	Xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây huyện Vị Thủy, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Long Thạnh	3.600 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Phụng Hiệp	Xã Long Thạnh, xã Tân Long, xã Hòa Mỹ, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp
5	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Nàng Mau	7.200 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Vị Thủy	Thị trấn Nàng Mau, xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Thạnh Xuân	4.800 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Châu Thành A	Xã Thạnh Xuân, xã Nhơn Nghĩa A, thị trấn Rạch Gò, huyện Châu Thành A



TT	Tên công trình	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Địa điểm	Phạm vi cấp nước
7	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Vị Thanh 2	4.800 m <sup>3</sup> /ngđ	Huyện Vị Thủy	Xã Vị Thanh, xã Vị Đông, xã Vị Bình, xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy
8	Cải tạo, mở rộng Hồ nước ngọt		Huyện Vị Thủy	Xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy nâng từ 50ha lên 100ha nhằm dự trữ, cung cấp nước cho thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy

**Ghi chú:**

- Các công trình cấp, thoát nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

Quy mô, công suất các nhà máy nước, trạm cấp nước có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.



**Phụ lục XIII**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**KHU VỰC ĐÔ THỊ TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Công suất (m <sup>3</sup> /ng.đ.)	Nguồn tiếp nhận	Hệ thống thu gom
1	Tiếp tục xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh	3.000	Kênh Xà No	Thoát nước riêng
2	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ	5.000	Hệ thống sông Nước Đục	Thoát nước riêng và nửa riêng
3	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy	3.800	Hệ thống sông trên địa bàn thành phố	Thoát nước riêng và nửa riêng
4	Nâng quy mô, công suất hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 8.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Thành phố Vị Thanh	8.500	Hệ thống Kênh Xà No	Thoát nước riêng và nửa riêng

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.





**Phụ lục XIV**  
**DANH MỤC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Khu xử lý chất thải (*)	Địa điểm	Công suất
<b>I</b>	<b>Xây dựng mới</b>		
	Khu xử lý chất thải tập trung Hòa An (Nhà máy điện rác Hậu Giang)	Huyện Phụng Hiệp	600 tấn/ngày
<b>II</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>		
	Khu xử lý chất thải tập trung Kinh Cù	Huyện Phụng Hiệp	45 tấn/ngày
<b>III</b>	<b>Xây mới nhà tang lễ, nhà hỏa táng</b>		
	Nhà tang lễ tỉnh Hậu Giang	Huyện Vị Thủy	

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

(\*) Sắp xếp theo phân loại khu xử lý chất thải bao gồm: khu xử lý chất thải sinh hoạt, khu xử lý chất thải công nghiệp thông thường, khu xử lý chất thải nguy hại, nhà máy, trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý nước thải.



Phụ lục XV

**DANH MỤC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TỈNH HẬU GIANG  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Danh mục hạ tầng y tế nâng cấp, mở rộng</b>	
1	Trung tâm y tế thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
2	Trung tâm y tế huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp
3	Trung tâm y tế thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
4	Trung tâm y tế huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
5	Trung tâm y tế huyện Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
6	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
7	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
8	Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
<b>II</b>	<b>Danh mục hạ tầng y tế thành lập, xây mới</b>	
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Vị Thanh
2	Trung tâm Pháp y	Thành phố Vị Thanh
3	Trung tâm Giám định Y khoa	Thành phố Vị Thanh
4	Trung tâm y tế huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ
5	Trung tâm y tế thành phố Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
6	Bệnh viện vệ tinh huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
7	Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe, Tư vấn và Cung ứng dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Thành phố Vị Thanh
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Vị Thanh
9	Bệnh viện Phụ sản tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
10	Bệnh viện Nhi tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
11	Bệnh viện Da liễu tỉnh Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
12	Bệnh viện Tâm thần kinh	Thành phố Vị Thanh
13	Bệnh viện đa khoa thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình y tế khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.





**Phụ lục XVI**  
**DANH MỤC HẠ TẦNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO,**  
**GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, ĐẠI HỌC**

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Trường trung học phổ thông Phú Hữu	Huyện Châu Thành
2	Trường trung học phổ thông Ngã Sáu	Huyện Châu Thành
3	Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong	Huyện Vị Thủy
4	Trường trung học phổ thông Cái Tắc	Huyện Châu Thành A
5	Trường trung học phổ thông Chuyên Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
6	Trường trung học phổ thông Tân Long	Huyện Phụng Hiệp
7	Trường trung học phổ thông Tâm Vu	Huyện Phụng Hiệp
8	Trường trung học phổ thông Tây Đô	Huyện Long Mỹ
9	Trường trung học phổ thông Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
10	Trường trung học phổ thông Lương Tâm	Huyện Long Mỹ
11	Trường trung học phổ thông Nguyễn Minh Quang	Thành phố Ngã Bảy
12	Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Huyện Phụng Hiệp
13	Trường trung học phổ thông Chiêm Thành Tấn	Thành phố Vị Thanh
14	Trường trung học phổ thông Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
15	Trường trung học phổ thông Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
16	Trường trung học phổ thông Vĩnh Tường	Huyện Vị Thủy
17	Trường trung học phổ thông Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
18	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang	Thị xã Long Mỹ
19	Trường trung học phổ thông Hòa An	Huyện Phụng Hiệp
20	Trường trung học phổ thông Trường Long Tây	Huyện Châu Thành A
21	Trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn	Thành phố Ngã Bảy
22	Trường trung học phổ thông Cây Dương và Điểm Phân hiệu Búng Tàu	Huyện Phụng Hiệp
23	Trường trung học phổ thông Tân Phú	Thị xã Long Mỹ
24	Đại học Cần Thơ khu Hòa An (phát triển thành phân hiệu Đại học Cần Thơ tại tỉnh Hậu Giang)	Huyện Phụng Hiệp



## B. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

STT	Công trình cải tạo nâng cấp	Địa điểm
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	
	Cơ sở 1	Thành phố Vị Thanh
	Cơ sở 3	Thành phố Ngã Bảy
2	Trường Cao đẳng Luật miền Nam	Huyện Vị Thủy
3	Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn	Huyện Châu Thành A
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Long Mỹ	Huyện Long Mỹ
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Phụng Hiệp	Huyện Phụng Hiệp
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vị Thủy	Huyện Vị Thủy
12	Văn phòng Bảo hiểm thất nghiệp - Dịch vụ việc làm Cái Tắc - Thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hậu Giang	Huyện Châu Thành A
13	Văn phòng Bảo hiểm thất nghiệp - Dịch vụ việc làm Phụng Hiệp - Thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp

### Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình giáo dục đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hậu Giang phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.





**Phụ lục XVII**  
**DANH MỤC CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>I</b>	<b>Công trình nâng cấp, tôn tạo</b>	
1	Di tích đền thờ Bác Hồ	Huyện Long Mỹ
2	Di tích Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch của Quân và dân khu 9 (Chiến thắng Chương Thiện)	Huyện Long Mỹ
3	Di tích Chiến thắng Vàm Cái Sinh	Thành phố Vị Thanh
4	Di tích Mỹ, Diệm tàn sát đồng bào khi lập Khu trù mật Vị Thanh – Long Mỹ	Thành phố Vị Thanh
5	Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ (1972 – 1975)	Huyện Phụng Hiệp
6	Di tích Chiến thắng Tầm Vu	Huyện Châu Thành A
7	Di tích Trụ sở Ủy ban Liên hợp Đình chiến Nam Bộ	Thành phố Ngã Bảy
8	Di tích Căn cứ Liên tỉnh Ủy Cần Thơ	Huyện Châu Thành
9	Di tích Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Châu Thành
10	Di tích Chiến thắng Chương Thiện	Thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ
11	Di tích Chiến thắng Chày Đạp	Huyện Phụng Hiệp
12	Di tích địa điểm thành lập Tiểu đoàn Tây Đô	Huyện Phụng Hiệp
13	Di tích địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam - Việt Nam tỉnh Cần Thơ, giai đoạn 1961 – 1975	Huyện Châu Thành A
14	Di tích Trận chiến Pháo binh Vịnh Chèo 1974	Huyện Vị Thủy
15	Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ 1965 - 1968	Thành phố Vị Thanh

16	Di tích Căn cứ Thị ủy thị xã Vị Thanh (đầu tư mở rộng xây dựng phục hồi, tôn tạo)	Thành phố Vị Thanh
<b>II</b>	<b>Công trình xây dựng mới</b>	
1	Thư viện tỉnh	Thành phố Vị Thanh
2	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Vị Thanh
3	Khu Văn hóa sự kiện và triển lãm	Thành phố Vị Thanh
4	Nhà văn hóa thiếu nhi	Thành phố Vị Thanh

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình văn hóa khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.





**Phụ lục XVIII**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI**  
**TỈNH HẠ GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. CHỢ**

STT	Tên chợ	Địa điểm
<b>I</b>	<b>XÂY MỚI</b>	
1	Chợ đầu mối nông sản	Thành phố Ngã Bảy
2	Khu phức hợp chợ kênh Xà No và khách sạn 4 sao	Thành phố Vị Thanh
<b>II</b>	<b>NÂNG CẤP CẢI TẠO</b>	
1	Chợ Nàng Mau	Huyện Vị Thủy
2	Chợ Bảy Ngàn	Huyện Châu Thành A
3	Chợ Ngã Bảy	Thành phố Ngã Bảy
4	Chợ Ngã Sáu	Huyện Châu Thành
5	Chợ Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ

**B. TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, SIÊU THỊ**

STT	Tên	Địa điểm	Quy mô
<b>I</b>	<b>Trung tâm thương mại hạng I</b>		
	Trung tâm thương mại tỉnh	Thành phố Vị Thanh	16,61 ha
<b>II</b>	<b>Siêu thị hạng I</b>		
1	Xây mới 01 siêu thị	Thành phố Vị Thanh	3.500 m <sup>2</sup> trở lên/siêu thị
2	Xây mới 01 siêu thị	Thành phố Ngã Bảy	3.500 m <sup>2</sup> trở lên/siêu thị

**Ghi chú:** Tên, quy mô, phân hạng và phạm vi ranh giới các chợ, siêu thị sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư.



**Phụ lục XIX**  
**DANH MỤC CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI CÔNG LẬP**  
**TỈNH HÀU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở bảo trợ xã hội</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>I</b>	<b>Công trình nâng cấp, cải tạo</b>	
	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh	Huyện Vị Thủy
<b>II</b>	<b>Công trình xây dựng mới</b>	
	Cơ sở trợ giúp xã hội (thực hiện chức năng cai nghiện ma túy)	Thành phố Ngã Bảy

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình an sinh xã hội khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.





**Phụ lục XX**  
**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH HẬU GIANG, THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)			Ghi chú
			Hiện trạng 2020	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ*	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của Tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>162.223</b>	<b>162.223</b>	<b>162.223</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>140.439</b>	<b>132.515</b>	<b>132.200</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.912	73.964	73.964	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	78.912	73.964	73.964	
1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	0	0	0	
1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.752	1.482	1.482	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	570	269	269	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	506	269	269	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>21.784</b>	<b>29.708</b>	<b>30.023</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66	272	272	
2.2	Đất an ninh**	CAN	611	606	668	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	433	2.233	2.233	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	10.761	13.227	13.798	
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	3.626	5.562	5.562	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	40	150	150	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	47	120	120	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	456	715	715	

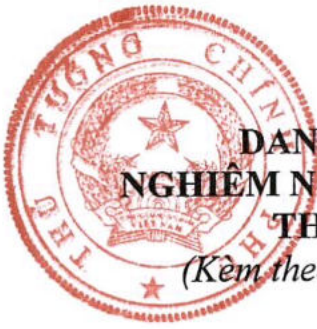
STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)			Ghi chú
			Hiện trạng 2020	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ*	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của Tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	43	82	576	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	184	533	533	
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2	4	4	
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0	0	0	
2.6	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	37	45	50	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	63	90	90	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>KHU CHỨC NĂNG</b>					
<b>1</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>415</b>	
<b>2</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>3</b>	<b>Đất đô thị</b>		<b>28.175</b>	<b>34.152</b>	<b>34.152</b>	

**Ghi chú:**

\*Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

\*\*Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.





**Phụ lục XXI**  
**DANH MỤC CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ**  
**NGHIÊM NGẶT, VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI TÍNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu vực	Vị trí	Quy mô (ha)
<b>I</b>	<b>Vùng bảo vệ nghiêm ngặt</b>		
1	*Rừng đặc dụng	Tỉnh Hậu Giang	1.482
2	Nội thành, nội thị của đô thị loại II: Thành phố Vị Thanh	Các phường: I, III, IV, V, VII	3.638,35
3	Nội thành, nội thị của đô thị loại III: Thành phố Ngã Bảy	Các phường: Ngã Bảy, Hiệp Thành, Lái Hiếu, Hiệp Lợi	3.921,03
4	Nội thành, nội thị của đô thị loại III: Thị xã Long Mỹ	Các phường: Thuận An, Bình Thạnh, Vĩnh Tường, Trà Lồng	4.372,94
5	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	Theo danh sách được xác định	
6	Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa	Theo vị trí từng khu di tích	6,9
<b>II</b>	<b>Hạn chế phát thải</b>		
1	**Vùng đệm của Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Huyện Phụng Hiệp	8.836, 07
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	Theo danh sách được xác định	182,66 (km)
3	Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.		1.326,74

**Ghi chú:** Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có trách nhiệm ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

\*Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, tại Phụ lục số 60: Diện tích đất rừng đặc dụng là 1.482 ha.

\*\*Theo Quyết định số 13/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.



**Phụ lục XXII**  
**DANH MỤC CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**  
**TỈNH HÀ NỘI GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên khu bảo tồn	Phân loại	Vị trí	Quy mô (ha)
1	*Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Bảo tồn loài, sinh cảnh cấp tỉnh	Huyện Phụng Hiệp	2.805,37

**Ghi chú:** \*Theo Quyết định số 13/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.





Phụ lục XXIII

**DANH MỤC CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Thủ tướng Chính phủ)

**A. KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

TT	Tên khu vực mỏ, đề án thăm dò	Diện tích (ha)	Trữ lượng (tấn/m <sup>3</sup> )
<b>I</b>	<b>Khu vực mỏ, đề án đã cấp</b>		
1	Cát san lấp	280	4.000.000
2	Sét gạch ngói	1870	22.080.000
<b>II</b>	<b>Khu vực mỏ, đề án cấp mới: Không</b>		

**B. KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

TT	Tên khu vực mỏ, dự án khai thác	Diện tích (ha)	Trữ lượng huy động (tấn, m <sup>3</sup> )	Công suất khai thác (tấn)
<b>I</b>	<b>Khu vực mỏ, dự án đã cấp</b>			
1	Cát san lấp	280	4.000.000	820.000
2	Sét gạch ngói	1870	22.080.000	500.000
<b>II</b>	<b>Khu vực mỏ, dự án cấp mới: Không</b>			

**C. KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (SAU NĂM 2030)**

STT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích (ha)	Tổng trữ lượng tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Phương án thăm dò, khai thác
	Than bùn	6	995	3.225.000	Quy hoạch thăm dò, khai thác giai đoạn 2030 - 2050

**Ghi chú:** Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành.



**Phụ lục XXIV**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**  
**TỈNH HẬU GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên công trình, dự án
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ LOGISTICS</b>
<b>A</b>	<b>Các dự án giao thông đối ngoại quan trọng và liên kết vùng</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (quốc lộ 61C).
2	Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 91D (đoạn qua địa bàn tỉnh Hậu Giang).
3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ Nam Sông Hậu.
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh quốc lộ 61, tại thị trấn Kinh Cù.
5	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường tỉnh 925.
6	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 925D.
7	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 926C.
8	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường tỉnh 927C.
9	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 928C.
10	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 929 (đoạn từ quốc lộ 61C đến ranh thành phố Cần Thơ)
11	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 930B.
<b>B</b>	<b>Các dự án kết nối cao tốc</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh quốc lộ 61, tại thị trấn Cái tá.
2	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 925C.
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 925B (đoạn từ QL61 đến quốc lộ 1).
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927D.
5	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 930.
6	Dự án cầu qua kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp.
7	Dự án cầu Bảy Ngàn qua kênh Xà No.
<b>C</b>	<b>Các dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội</b>
1	Dự án đầu tư các cầu trên đường tỉnh 926.
2	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên đường tỉnh 927.



<b>STT</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927B.
4	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng đường tỉnh 928.
5	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 928D.
6	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 931B.
7	Dự án đầu tư các cầu trên đường tỉnh 931B.
8	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 931C.
9	Dự án cầu Mười Ba Ngàn qua kênh Xà No.
10	Dự án cầu Nguyễn Chí Thanh.
11	Nâng tĩnh không cầu Nàng Mau, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy
<b>D</b>	<b>Các dự án đang triển khai đầu tư</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang.
2	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ Xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây).
3	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối với tuyến Quản lộ Phụng, tỉnh Sóc Trăng.
4	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927 (đoạn từ Thị trấn Cây Dương đến thành phố Ngã Bảy).
5	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 927 (đoạn từ Ngã ba Vĩnh Tường đến xã Phương Bình).
6	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 929 (đoạn từ ĐT.931B đến quốc lộ 61).
<b>II</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đông Phú
2	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đông Phú 2
3	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Sông Hậu 2
4	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Hòa
5	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình

STT	Tên công trình, dự án
6	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhơn Nghĩa A
7	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Long Thạnh
8	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Tân
9	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Hữu
10	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước Hưng
11	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình II
12	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình III
13	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước Hưng
14	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vĩnh Viễn
<b>III</b>	<b>CỤM CÔNG NGHIỆP</b>
1	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh (Phần mở rộng)
2	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ
3	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Phước Hưng
4	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Thành
5	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vị Bình
6	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Phú Tân
7	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vĩnh Viễn
8	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vị Bình (phần mở rộng)
9	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lương Tâm
10	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hỏa Lựu 1
11	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vị Bình 2



<b>STT</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>
12	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lương Tâm 2
13	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hỏa Lựu 2
<b>IV</b>	<b>PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b>
1	Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng Mekong
2	Khu đô thị mới 927C
<b>V</b>	<b>DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI</b>
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tỉnh tại thành phố Vị Thanh
2	Đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản tại thành phố Ngã Bảy
3	Đầu tư xây dựng Khu phức hợp chợ kênh Xà No và khách sạn 4 sao tại thành phố Vị Thanh
4	Trung tâm Hội chợ triển lãm và xúc tiến thương mại tại thành phố Ngã Bảy
5	Nâng cấp chợ Nàng Mau tại huyện Vị Thủy
6	Nâng cấp chợ Bảy Ngàn tại huyện Châu Thành A
7	Nâng cấp chợ Ngã Bảy tại thành phố Ngã Bảy
8	Nâng cấp chợ Ngã Sáu tại huyện Châu Thành
9	Nâng cấp chợ Long Mỹ tại thị xã Long Mỹ
<b>VI</b>	<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>
1	Dự án phát triển sản xuất giống cây trồng chất lượng cao
2	Dự án phát triển dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp
3	Dự án phát triển ngành nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp
4	Dự án liên kết đầu tư, trồng và sản xuất giống cây ăn quả (Mít) ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, xuất khẩu.
5	Bảo tồn và khôi phục quýt đường Long Trị kết hợp du lịch trải nghiệm
6	Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa đạt chuẩn VietGAP
7	Dự án xây dựng vùng sản xuất sầu riêng đạt chuẩn VietGAP
8	Dự án xây dựng vùng sản xuất mít đạt chuẩn VietGAP
9	Dự án xây dựng vùng sản xuất khóm đạt chuẩn VietGAP
10	Dự án xây dựng vùng sản xuất chanh đạt chuẩn VietGAP

<b>STT</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>
11	Dự án xây dựng vùng sản xuất rau màu đạt chuẩn VietGAP
12	Xây dựng mô hình sản xuất bưởi da xanh đạt tiêu chuẩn VietGAP
13	Phát triển diện tích trồng mít ruột đỏ theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ và phát triển du lịch
14	Nâng cấp, quản lý, cấp mới các vùng trồng tập trung và cơ sở đóng gói được cấp mã số xuất khẩu và tiêu thụ trong nước
15	Xây dựng hệ thống theo dõi và dự báo sâu rầy tự động (Bẫy đèn thông minh Rynan)
16	Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
<b>VII</b>	<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN</b>
1	Dự án chuyển giao khoa học và công nghệ lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản tỉnh Hậu Giang đến năm 2030
2	Dự án phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chất lượng cao
3	Dự án phát triển hệ thống sản xuất giống gia súc, gia cầm chất lượng cao
4	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Hậu Giang
5	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Hậu Giang
6	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tỉnh Hậu Giang
<b>VIII</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>
1	Dự án Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học Khu rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
2	Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
3	Dự án du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
4	Dự án di dời dân cư từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
5	Dự án cải tạo lung tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
<b>IX</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>



STT	Tên công trình, dự án
1	Xây dựng đê bao ngăn triều cho vùng cây ăn trái huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A và thành phố Ngã Bảy
2	Xây dựng kè chống sạt lở sông Mái Dầm (đoạn từ ngã ba Trạm y tế đến Ủy ban nhân dân xã Đông Phước và đoạn từ cầu BOT đến Vàm kênh Cái Muồng Cụt, huyện Châu Thành)
3	Xây dựng kè chống sạt lở thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
4	Xây dựng kè chống sạt lở tại các điểm xung yếu trên địa bàn tỉnh
5	Kè chống sạt lở kênh xáng Xà No giai đoạn 3
6	Nạo vét kênh trục KH9, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
7	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No; hệ thống cống Nam Xà No
8	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Long Mỹ - Vị Thanh
9	Nạo vét sông Nước Đục - Lái Hiếu, Nàng Mau, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
10	Chống chịu khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững và thịnh vượng (WB11)
11	Dự án nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang
12	Nạo vét kênh 13.000 - Long Điền - Xẻo Trâm - Xẻo Su, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
13	Nạo vét tuyến kênh Ba Liên - Cái Đĩa, kết hợp với xây dựng hệ thống đê bao, gia cố các vị trí sạt lở trên tuyến kênh
14	Nạo vét tuyến kênh Long Mỹ 1 kết hợp hệ thống cống, đê bao ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp tạo sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
15	Xây dựng hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng triều biển Đông Phụng Hiệp - Long Mỹ tỉnh Hậu Giang
16	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Phụng Hiệp
17	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Long Mỹ
18	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước huyện Vị Thủy

<b>STT</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>
19	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thị xã Long Mỹ
20	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước thành phố Vị Thanh
21	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
22	Đầu tư xây dựng các trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
23	Bố trí dân cư vùng thiên tai tuyến sông Mái Dầm huyện Châu Thành
24	Bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn huyện Châu Thành A tỉnh Hậu Giang
25	Bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang
26	Bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang
<b>X</b>	<b>VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>
1	Du lịch sinh thái Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
2	Khu du lịch Hồ Sen
3	Khu du lịch sinh thái Kênh Lâu
4	Khu du lịch hồ Tam Giác
5	Khu du lịch căn cứ Thị xã ủy Vị Thanh
6	Vùng Du lịch cộng đồng Quýt đường Long Trị
7	Làng du lịch Sinh thái - Văn hóa Tầm Vu
8	Khu du lịch Hồ Nước Ngọt
9	Khu du lịch sinh thái Việt Úc – Hậu Giang
10	Khu dịch vụ đô thị sinh thái thuộc vùng đệm Lung Ngọc Hoàng
11	Sân gôn (golf) ở khu du lịch nghỉ dưỡng Mê Kông
12	Sân gôn (golf) ở huyện Phụng Hiệp
13	Sân gôn (golf) ở huyện Long Mỹ
<b>XI</b>	<b>Y TẾ</b>
1	Bệnh viện cấp cứu tim mạch - đột quỵ
2	Bệnh viện chấn thương - chỉnh hình - phục hồi chức năng
3	Bệnh viện ung bướu hoặc nội tiết



STT	Tên công trình, dự án
4	Trung tâm cấp cứu 115
5	Viện dưỡng lão - nghỉ dưỡng - an dưỡng
6	Khu nhà ở xã hội cho nhân viên y tế
7	Khu nuôi trồng - chế biến dược liệu
8	Các phòng khám đa khoa chất lượng cao, các dịch vụ y tế
<b>XII</b>	<b>CẢI THIỆN HẠ TẦNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>
1	Tiếp tục triển khai dự án Nâng cấp, mở rộng bãi rác Kinh Cù, huyện Phụng Hiệp
2	Dự án Phát triển đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
3	Tiếp tục triển khai "Dự án Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động giai đoạn 2"
4	Dự án cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Tân Tiến
5	Dự án cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường bãi rác Long Mỹ
6	Tiếp tục Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh
7	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Long Mỹ
8	Nâng quy mô, công suất hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 8.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm
<b>XIII</b>	<b>BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC</b>
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
2	Điều tra, lập danh mục loài ngoại lai xâm hại và đề xuất các giải pháp ngăn ngừa, kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh
3	Quan trắc đa dạng sinh học, thiết lập các ô định vị theo dõi diễn biến về đa dạng sinh học
4	Quan trắc biến đổi đa dạng sinh học các thủy vực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu
<b>XIV</b>	<b>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>
1	Dự án: "Xây dựng Khu thực nghiệm, bảo tồn nguồn gen và ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Hậu Giang".
2	Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang

STT	Tên công trình, dự án
<b>XV</b>	<b>HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>
1	Dự án Nhà máy nước Vị Bình
2	Dự án Nhà máy nước Vĩnh Tường

**Ghi chú:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.





**Phụ lục XXV**  
**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH HẬU GIANG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	TÊN SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ	TỶ LỆ
<b>A</b>	<b>Sơ đồ in tỷ lệ 1:250.000 – 1.000.000</b>	
	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	1:250.000
<b>B</b>	<b>Sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000</b>	
1	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	1:50.000
2	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:50.000
3	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
4	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:50.000
6	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:50.000
7	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
8	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
9	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
10	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:50.000
11	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:50.000
12	Sơ đồ chuyên đề	1:50.000